TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày: 28-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Huỳnh Trường Huân – Giáo viên Trường Trung học phổ thông A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Hồ Phát T (N), sinh ngày 15/7/2005; tại: An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp V, xã V, huyện An, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Dương L, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1986; bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Nhân thân:

Ngày 27/02/2023 Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh kết án 06 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*, theo Bản án số 24/2023/HS-ST ngày 27/02/2023), đang chấp hành án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/9/2022 đến ngày 04/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B, TP.HCM bắt tạm giam về hành vi "Trộm cắp tài sản" cho đến nay. (có mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo T: Ông Hồ Dương L, sinh năm: 1985 (cha ruột của bị cáo); cư trú: Nhà trọ Huỳnh Văn N, tổ 13, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ; bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1986 (mẹ ruột bị cáo); cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Lê Hồ Bích H, sinh năm 1974 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị hại:

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1976*;* cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1973*;* cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Thanh P là bà Đặng Thị L; cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974*;* cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Thị Thanh H, sinh ngày: 26/9/2006*;* cư trú: Số 112, cư xá đường sắt, đường L, phường 1, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho H: Ông Phạm Ngọc Y, sinh năm: 1979; cư trú: Số 112, cư xá đường sắt, đường L, phường 1, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh (cha ruột của H). (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày: 29/3/2016; cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho M: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (mẹ ruột của M). (vắng mặt)

4. Trương Thị Mỹ Q, sinh ngày: 20/7/2006; cư trú: ấp V, xã V, huyện A tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho Q: Bà Bùi Thị Thanh M, sinh năm: 1974 (mẹ ruột của Q); cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

5. Bà Lương Thị V, sinh năm: 1962; cư trú: ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

6. Nguyễn Thị Bé T, sinh ngày: 14/4/2009; cư trú: ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984; cư trú: ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (mẹ ruột của T). (vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Nguyên N (vắng mặt)

2. Ông Lê Hồng P; (vắng mặt)

3. Bà Đỗ Thị Thanh M; (vắng mặt)

4. Ông Hồ Văn T; (vắng mặt)

5. Bà Bùi Thị Thanh M; (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 05/7/2022, Hồ Phát T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi bộ đến nhà bà Đặng Thị L ngụ ấp V, xã V, huyện A lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 2ND1, biển số 67G1 – 499.35 dựng trong gian nhà chính, xe có cắm sẵn chìa khóa trong ổ khóa xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo và 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng để trên tủ thờ. Lấy trộm xong, T điều khiển xe mô tô biển số 67G1 – 499.35 đến thị trấn A rước bạn gái là Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 26/9/2006, sau đó cả 02 mang điện thoại ViVo của bà L, đến cửa hàng điện thoại tại phường N, thành phố C (không nhớ biển hiệu, địa chỉ) bán được 600.000 đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 14/9/2022, T đang điều khiển xe mô tô biển số 67G1 – 499.35 chở H lưu thông trên đường tỉnh lộ 957, khi đến đoạn ấp V, xã V thì bị anh Nguyễn Nguyên N (con rễ bà L) phát hiện hành vi lấy trộm xe mô tô nên truy đuổi, bắt giữ được T và H, giao cả 02 cho cơ quan Công an điều tra, xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 99 ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 2ND1, biển số 67G1 – 499.35, trị giá 22.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, trị giá 1.275.000 đồng. Tổng cộng: 23.275.000 đồng.

Ngoài lần lấy trộm tài sản như trên, T và H còn khai nhận đã thực hiện 04 lần lấy trộm tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất**:** Khoảng 10 giờ ngày 29/6/2022, T và H đi bộ đến nhà mẹ nuôi là bà Đặng Thị L. Tại đây, T thấy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30S của bà L để trong rổ nhựa màu xanh, không người trông giữ, nên T lấy trộm rồi mang đến cửa hàng điện thoại tại thành phố C (không nhớ biển hiệu, địa chỉ) bán được 200.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 203 ngày 08/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03S, trị giá 1.200.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 14/7/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 67G1-499.35 chở H trên đường đi đến ấp V, xã V, huyện A, T nhìn thấy bé Nguyễn Thị Hà M – sinh ngày 29/3/2016 đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y53s xem ứng dụng Tiktok (điện thoại của bà Nguyễn Thị T – bà ngoại bé M) nên T và H dừng xe ở trước nhà và kêu bé M ra hỏi nhà kế bên là của ai, thì bé M trả lời không biết. Tiếp tục, T kêu bé M cho mượn điện thoại gọi cho bạn, bé M không trả lời, lúc này H kêu bé M cho mượn điện thoại gọi cho bạn. Nghe xong, bé M đưa điện thoại cho H cầm trên tay. Cùng lúc, bà T nghe tiếng bé M đang nói chuyện với người lạ nên đi ra xem thì T giả vờ chỉ tay sang căn nhà cạnh nhà bà T hỏi là nhà của ai, mục đích để che giấu, không cho bà T nhìn thấy điện thoại mà H đã lấy và đang cầm trên tay. Bà T trả lời chủ nhà đó chết lâu rồi. Nói xong, bà T dẫn bé M đi vào nhà, còn T điều khiển xe chở H chạy đi. Sau đó, bé M kể lại việc bị T và H lấy điện thoại nên bà T đến Công an xã trình báo sự việc.

Sau khi chiếm đoạt được điện thoại T và H mang đến cửa hàng tại thành phố C (không nhớ biển hiệu, địa chỉ) bán được 670.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 204 ngày 08/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y53s, trị giá 2.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 ngày 15/7/2022, T điều khiển xe mô tô Wave Alpha màu đỏ (không rõ biển số) chở H đi tìm tài sản lấy trộm.

Trên đường đi đến ấp V, xã V, huyện A, T nhìn thấy em Trương Thị Mỹ Q đang trông coi quán cà phê và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54. T dừng xe hỏi mua nước uống và mua nước đá chặt sẵn để uống bia. Lúc này, Q không biết chặt nước đá, nên để điện thoại trên bàn, rồi đi ra phía sau nhà kêu mẹ là Bùi Thị Thanh M chặt nước đá bán cho T. Lợi dụng lúc Q đi không mang điện thoại theo, T lén lấy trộm điện thoại của Q bỏ vào túi quần.

Sau đó, thấy Q và bà M đi ra thì T nói một chút quay lại lấy nước đá, xong lên xe chở H chạy đi. Điện thoại di động Oppo A54 lấy trộm được của Q, T và H để sử dụng chứ không đem đi bán.

Tại Kết luận định giá tài sản số 205 ngày 08/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, trị giá 1.600.000 đồng;

Lần thứ tư: Khoảng 10 giờ ngày 23/7/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 67G1-499.35 chở H đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến trước tiệm tạp hóa của bà Lương Thị V ngụ ấp V, xã K, huyện A, T nhìn thấy em Nguyễn Thị Bé T đang ngồi ghế sử dụng điện thoại Samsung Galaxy J4 (điện thoại của bà V). T dừng xe giả vờ hỏi mua 01 thùng bia Sài gòn Lager 330 ml loại 24 lon, lúc này T để điện thoại trên bàn, lấy thùng bia đưa cho T mang ra xe.

Do chưa lấy trộm được điện thoại nên T tiếp tục hỏi mua thêm 10 kilôgam gạo thì T giúp bà V cân gạo bán cho T. Lợi dụng lúc bà V và T không để ý, T lén lấy trộm điện thoại Samsung Galaxy J4 để trên bàn, xong đi ra xe thì bà V hỏi T sao không lấy gạo, T nói một chút quay lại lấy.

Sau đó, T điều khiển xe chở H đến thành phố C đem thùng bia bán cho cửa hàng tạp hóa (không nhớ biển hiệu, địa chỉ) được 180.000 đồng, còn điện thoại bán cho cửa hàng điện thoại (không nhớ biển hiệu, địa chỉ) được 200.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 206 ngày 08/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4, trị giá 1.150.000 đồng; 01 thùng bia Sài gòn Lager 330 ml loại 24 lon, trị giá 250.000 đồng.

Ngày 15/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Hồ Phát T.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSAP-HS ngày 14/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Hồ Phát T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên , bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá và vật chứng thu giữ.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Hồ Phát T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên . Bị cáo xác định không có tài sản và đồng ý bồi thường cho bà T 2.000.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị T trình bày phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra. Bà yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị lấy trộm là 2.000.000 đồng, không yêu cầu H có nghĩa vụ liên đới.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Phát T với mức án *từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người chưa thành niên nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà L, ông P và những người liên quan bị lấy trộm tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bị hại bà T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản là 2.000.000 đồng theo kết luận định giá. Xét, yêu cầu của bà T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo và ông L, bà V liên đới bồi thường cho bà T 2.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được xử lý tại giai đoạn điều tra là đúng quy định nên đề nghị không xem xét.

Bà Lê Hồ Bích H, là người bào chữa cho bị cáo Hồ Phát T trình bày: Bà thống nhất với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo T. Tuy nhiên, do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cha mẹ bị cáo ly hôn, bị cáo sống chung với ông bà nội từ nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt từ *09 (chín) tháng đến 01 (một) năm* tù là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt. Lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Đại diện theo pháp luật cho bị cáo ông L có đơn xin vắng mặt, bà V, bị hại bà L, ông P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 5/7/2022 bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà Đặng Thị L, ông Lê Thanh P 01 chiếc xe mô tô biển số 67G1 – 499.35, trị giá 22.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu ViVo, trị giá 1.275.000 đồng và 100.000 đồng; đến khoảng 10 giờ ngày 14/7/2022 bị cáo lại tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y53s, trị giá 2.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản bị cáo lấy trộm là 25.375.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bà L, ông P và bà T nhưng vẫn lén lút lấy trộm là thể hiện ở lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Hồ Phát T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không an tâm lao động sản xuất. Xét, trước khi phạm tội, bị cáo đang trong giai đoạn truy tố về hành vi trộm cắp tài sản nhưng được tại ngoại. Lẽ ra, bị cáo phải ăn năn, hối hận về hành vi của mình, tạo thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân nhưng ngược lại chỉ vì bản tính thích hưởng thụ, lười lao động mà bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, nhằm mục đích tiêu xài và trong lần phạm tội này bị cáo lấy trộm nhiều tài sản của nhiều người, điều đó thể hiện ở ý thức cải tạo của bị cáo là không có nên cần áp dụng chế tài đối với bị cáo và tổng hợp hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2023/HSST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung như đề nghị của Kiểm sát viên, để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Do cả hai lần bị cáo trộm đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hai lần bị truy tố, bị cáo còn có ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể: Bị cáo lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30S, trị giá 1.200.000 đồng của bà Đặng Thị L vào ngày 29/6/2022; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, trị giá 1.600.000 đồng của Trương Thị Mỹ Q vào ngày 15/7/2022; 01 điện thoại Samsung Galaxy J4, 01 thùng bia Sài gòn Lager 330 ml loại 24 lon, tổng trị giá 1.400.000 đồng của bà Lương Thị V vào ngày 23/7/2022, do

mỗi lần trộm chưa đủ mức định khung hình phạt nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các lần trộm này nhưng sẽ xem xét khi lượng hình. Đồng thời, ngày 27/02/2023 Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2023/HSST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Điều đó cho thấy thái độ ăn năn hối cải của bị cáo là không có, do đó Hội đồng xét xử cần nghiêm khắc hơn khi lượng hình.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ ly hôn, từ nhỏ sống chung với ông bà nội, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Thống nhất với quan điểm Kiểm sát viên, bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với Phạm Thị Thanh H cùng T thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A không truy cứu trách nhiệm hình sự và xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt vi phạm hình chính số: 0001612/QĐ-XPHC ngày 10/01/2023 là có căn cứ nên không xem xét.

Đối với người mua điện thoại và bia mà T lấy trộm, do không biết rõ họ, tên địa chỉ cụ thể. Đề nghị, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L, ông P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V, Q không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường. Riêng bà T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y53s là 2.000.000 đồng, không yêu cầu H có nghĩa vụ liên đới, bị cáo đồng ý. Do đó, buộc ông L, bà V và bị cáo T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà T số tiền 2.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được xử lý tại giai đoạn điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, ông L, bà V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hồ Phát T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Phát T 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2023/HSST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 04/11/2022).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo T và ông L, bà Vân phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà T số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Căn cứ Điều 136, Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Hồ Phát T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo T và ông L, bà V cùng chịu 300.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sang